

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Doãn Ước, ông Nguyễn Xuân Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa:
Bà; **Trịnh Thị Ngọc Soa** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2022/TLST- HNGĐ ngày 20/6/2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXX-ST, ngày 20/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông; Lê VT, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm Nho Tân, xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà; Bùi TN, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm Nho Tân, xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê VT, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê VT kết hôn với bà Bùi TN vào ngày 19 tháng 01 năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã TN, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng, chia sẻ với nhau, thường

xuân xảy ra xung đột, vợ có quan hệ với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay ông Lê VT xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên xin được ly hôn bà Bùi TN.

- Về con cái: Vợ chồng có 04 con chung với nhau; gồm Lê Văn Long, sinh ngày 16/12/1995; Lê Thị Linh, sinh ngày 30/5/2000; Lê Thị Lương, sinh ngày 14/11/2007; Lê Thị Thương, sinh ngày 03/02/2009.

Hiện tại con Lê Văn Long và con Lê Thị Linh đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn, ông xin được nuôi cháu Lê Thị Lương, còn để bà Nhung nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thương. Nếu bà Nhung nuôi cả hai cháu và các con muốn ở với bà Nhung, ông đồng ý để bà Nhung nuôi dưỡng, còn ông cấp dưỡng nuôi con cùng bà Nhung mỗi tháng là 750.000 đồng.

- Về chia tài sản chung và nợ: Tài sản hai bên đã tự giải quyết với nhau, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Ngoài các ý kiến trên, ông không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Bùi TN kết hôn với ông Lê VT vào ngày 19 tháng 01 năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã TN, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng hay ghen tuông, không còn tin tưởng vợ và đánh đập vợ; đuổi mẹ con ra khỏi nhà, nên mẹ con phải lên ở nhờ nhà ông bà ngoại, sau đó vay mượn mua đất làm nhà ở riêng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay chồng làm đơn xin ly hôn, bà cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì ông Thư cũng đã có người khác sắp cưới, nên bà cũng nhất trí ly hôn để cho ông Thư lấy vợ khác.

- Về con cái: Vợ chồng có 04 con chung với nhau; gồm Lê Văn Long, sinh ngày 16/12/1995; Lê Thị Linh, sinh ngày 30/5/2000; Lê Thị Lương, sinh ngày 14/11/2007; Lê Thị Thương, sinh ngày 03/02/2009.

Hiện tại con Lê Văn Long và con Lê Thị Linh đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vợ chồng ly thân, nên 04 con về ở với mẹ. Nếu ly hôn, tùy các con, con thích với ai bà cũng nhất trí, vì thực tế 04 con đang ở với bà; nay bà đồng ý nuôi 02 con chưa thành niên và yêu cầu ông Thư cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về chia tài sản chung và nợ: Tài sản hai bên đã tự giải quyết với nhau, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Ngoài các ý kiến trên, bà không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Lê VT được ly hôn bà Bùi TN; về con cái: 02 con đã thành niên, không có yêu cầu, nên không xem xét, 02 con chưa thành niên giao cho bà Nhung trực tiếp nuôi dưỡng, ông Thư có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cuộc hôn nhân giữa ông Lê VT và bà Bùi TN, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 01 năm 1995, tại UBND xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã TN, huyện Thanh Chương. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới sống hạnh phúc bình thường. Đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến tháng 10/2019 thì hai người sống ly thân từ đó cho tới nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê VT vẫn nhất quyết xin ly hôn, còn bà Bùi TN cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của ông Lê VT, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho ông Lê VT được ly hôn bà Bùi TN.

[2] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung với nhau, gồm: Lê Văn Long, sinh ngày 16/12/1995; Lê Thị Linh, sinh ngày 30/5/2000; Lê Thị Lương, sinh ngày 14/11/2007; Lê Thị Thương, sinh ngày 03/02/2009.

Hiện tại con Lê Văn Long và con Lê Thị Linh đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, và không có yêu cầu gì. Con 02 cháu, Lê Thị Lương và Lê Thị Thương, đang nhỏ, các bên thống nhất giao cho bà Bùi TN trực tiếp nuôi dưỡng. Song xét thấy các bên không thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với ý kiến của ông Thư chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng là

quá thấp, không đảm bảo mức tối thiểu để nuôi dưỡng con; còn mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà Nhung cũng hơi cao, so với thu nhập thực tế của người phải cấp dưỡng. Vì vậy cần buộc ông Lê VT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà Bùi TN, mỗi tháng 1.500.000 đồng, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về chia tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[4] Về án phí: Ông Lê VT phải chịu án tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê VT được ly hôn bà Bùi TN.

2. Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung với nhau, gồm: Lê Văn Long, sinh ngày 16/12/1995; Lê Thị Linh, sinh ngày 30/5/2000; Lê Thị Lương, sinh ngày 14/11/2007; Lê Thị Thương, sinh ngày 03/02/2009.

Ly hôn giao cho bà Bùi TN trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Lương và Lê Thị Thương.

Ông Lê VT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cùng bà Bùi TN, mỗi tháng: 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), kể từ tháng 9/2022, cho đến khi cháu Lê Thị Thương, thành niên.

Ông Lê VT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về chia tài sản chung và nợ: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Lê VT, phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê VT, được trừ đi: 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp; trả lại cho ông Lê VT, số tiền 11.700.000 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009155 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã TN
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn